TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2023
"Về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G , TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông RChâm Đương và ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về "Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Siu E, sinh năm 1968; nơi thường trú: Làng Tung Breng, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: Làng Bi De, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Rơ Châm N, sinh năm 1962; địa chỉ: Làng Tung Breng, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng jarai: Ông Rcom Blan; nơi công tác: Ban dân tộc Hội đồng nhân dân huyện G , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Siu E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Siu E và ông Rơ Châm N chung sống với nhau như vợ chồng tại làng Tung Breng, xã I, huyện G, từ khoảng năm 1994, có tổ chức đám cưới theo phong tục của người Jrai, từ đó đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do không am hiểu pháp luật, quá trình chung sống giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn từ những trong sinh hoạt thường ngày, do ông N hay uống rượu, ghen tuông, nghi nghờ bà E , nhiều lần chửi bới,

đánh đập bà E , đến đầu năm 2019 do không chịu đựng được nữa nên bà E bỏ đi và cũng từ thời điểm đó bà E và ông N không còn sống chung. Hiện tại mỗi người đã có cuộc sống riêng, bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông N là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông N có 03 con chung gồm cháu Siu Quyít, sinh ngày 10/10/1996, cháu Siu Khánh, sinh ngày 30/9/1999 và cháu Siu K, sinh ngày 12/9/2005. Hiện tại cháu Quyít và cháu Khánh đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, đối với cháu Siu K hiện đang ở với bà. Trường hợp Tòa án không công nhận bà và ông N là vợ chồng, bà đề nghị giao cháu K cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu không N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Rơ Châm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N thừa nhận về thời gian, địa điểm, thời gian chung sống như vợ chồng giữa ông và bà E là đúng như bà E trình bày. Ông và bà Em chung sống với nhau nhợ vợ chồng từ năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 2019 thì bà E bỏ đi sống với người đàn ông khác, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng. Ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà E là vợ chồng.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà E có 03 con chung như bà E trình bày. Trường hợp Tòa án không công nhận ông và bà E là vợ chồng, ông N đề nghị giao cháu K cho bà E nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông nhất trí như trình bày của bà E , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên ngày 01/3/2023 của cháu Siu K, sinh ngày 12/9/2005 thể hiện: Cháu Siu K có nguyện vọng được ở với bà Siu E.

Biên bản xác minh ngày 14/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G nơi bà E và ông N đăng ký thường trú thể hiện: Cho đến thời điểm xác minh, qua rà soát hồ sơ lưu trữ, bà Siu E và ông Rơ Châm N không đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Siu E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Rơ Châm N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn đảm bảo; bị đơn chưa đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Siu E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Rơ Châm N là vợ chồng, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Siu K, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp là "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con", bị đơn ông Rơ Châm N có địa chỉ cư trú tại xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Gia Lai.

[1.2]. Về việc tham gia tố tụng của đương sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Siu E về việc yêu cầu không công nhận bà và ông Rơ Châm N là vợ chồng, thấy rằng:

Căn cứ ý kiến trình bày của bà Siu E và ông Rơ Châm N trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay, căn cứ Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã I ngày 14/3/2023, có đủ căn cứ xác định: Bà Siu E và ông Rơ Châm N chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay, có tổ chức đám cưới theo phong tục của người Jrai nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1987, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000 NQ-QH10 và Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP thì tình trạng hôn nhân giữa bà Siu E và ông Rơ Châm N được pháp luật thừa nhận là "Hôn nhân thực tế", hôn nhân của bà Siu E và ông Rơ Châm N được xác lập trong thời gian có hiệu lực của Luật HN-GĐ năm 1986 (từ 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001), nên được coi là hợp pháp đến ngày 01/01/2003. Pháp luật quy định cho bà Siu E và ông Rơ Châm N thời hạn 2 năm "đăng ký chậm" kể từ ngày (01/01/2001- 01/01/2003) để giành quyền cho ông bà hợp pháp hóa quan hệ vợ chồng. Từ sau ngày 01/01/2003 mà ông bà không đăng ký kết hôn thì pháp luật

không công nhận ông bà là vợ chồng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được thừa nhận là vợ chồng. Căn cứ vào các quy định của pháp luật như đã viện dẫn trên, thấy rằng, bà Siu E và ông Rơ Châm N chung sống với nhau từ 1994 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận bà Siu E và ông Rơ Châm N là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung:

Đối với yêu cầu của bà Siu E về việc được trực tiếp nuôi con chung là cháu Siu K, sinh ngày 12/9/2005, thấy rằng:

Theo quy định tại Mục 1, chương V, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con thì: Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con được pháp luật quy định không phụ thuộc vào tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa cha mẹ, dù quan hệ hôn nhân giữa cha mẹ không được Nhà nước thừa nhận thì quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con vẫn được pháp luật bảo vệ như trường hợp cha mẹ có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, việc bà Siu E và ông Rơ Châm N không được pháp luật công nhân là vợ chồng, không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bà Siu E, ông Rơ Châm N đối với cháu Siu K. Hiện tại cháu Siu K đang ở với bà Siu E, nguyện vọng của cháu K là được ở với bà E . Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu K là phù hợp với nguyện vọng của cháu K, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Siu E không yêu cầu ông Rơ Châm N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Siu E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về các vấn đề của vụ án, là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 14, 15, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Siu E, không công nhận bà Siu E và ông Rơ Châm N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Siu K, sinh ngày 12/9/2005 cho bà Siu E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Siu E không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con*:* Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà E , ông N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Siu E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Siu E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008788 ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G ;
- Chi cục THA dân sự huyện G ;
- UBND xã I, huyện G ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trọng Việt Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi….. giờ.....phút, ngày 16 tháng 5 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Gia Lai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Quang và

Ông Rơ Châm Đương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 về *"Yêu cầu không công nhận vợ chồng, nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Bà Siu E, sinh năm 1968; nơi thường trú: Làng Tung Breng, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: Làng Bi De, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Rơ Châm N, sinh năm 1962; địa chỉ: Làng Tung Breng, xã I, huyện G , tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

1. Quan hệ pháp luật tranh chấp: "*Yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con*".

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

*Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không***.**

2.Về điều luật áp dụng:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 14, 15 Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Siu E, không công nhận bà Siu E và ông Rơ Châm N là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Siu K, sinh ngày 12/9/2005 cho bà Siu E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Siu E không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con*:* Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà E , ông N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Siu E không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí ý kiến của 2 Hội thẩm
Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

4. **Về án phí:**

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Nguyên đơn bà Siu E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số 0008788 ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Gia Lai.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

4. Về quyền kháng cáo :

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ nhất:*

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- *Ý kiến của Hội thẩm thứ hai:* Nhất trí với ý kiến của Hội thẩm thứ nhất.

- *Ý Kiến của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Nhất trí với ý kiến của 2 Hội thẩm nhân dân.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3; Không đồng ý: Không.

Nghị án kết thúc vào lúc: giờ phút, ngày ..... tháng .... năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**